

Bản án số: 57/2018/HS-ST
Ngày 23 - 11 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Nga.

2. Ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Thúy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2018/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo **Đinh Tuấn A**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm 2, thôn TX, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Đinh Văn T và bà Phạm Thị M; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" ngày 11/9/2018. Có mặt.

*** Bị hại:** Anh Phạm Văn D, sinh năm 1990 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990. Ủy quyền cho ông Phạm Văn B, sinh năm 1962. Cùng trú tại: Xóm 6, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phạm Đại Vương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1962.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962. Ủy quyền cho ông Phạm Văn B, sinh năm 1962. Cùng trú tại: Xóm 6, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Đinh Văn T, sinh năm 1973. Trú tại: Xóm 2, thôn T1, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Trương Văn D1, sinh năm 1976. Trú tại: Xóm 1, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn N, xã D, huyện D2, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.
- Ông Lê Xuân Q, sinh năm 1952. Trú tại: Xóm 9, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1957. Trú tại: Thôn P, xã T3, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 14/8/2018, Đinh Tuấn A, sinh năm 1995 ở xóm 2, thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam điều khiển xe ô tô tải BKS 90C-053.70 chở đá phong hóa từ công ty IFI khu công nghiệp Đồng Văn II, huyện D, tỉnh Hà Nam đến bãi san lấp trạm dừng đỗ công ty xăng dầu TH thuộc địa phận xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đinh Tuấn A điều khiển xe ô tô theo hướng Đồng Văn - Chợ Dầu với vận tốc 40km/h và đi bên phải theo hướng đi. Khi qua nút giao giữa QL1A với QL38 (mới) vào QL38 (mới) khoảng 200m, Đinh Tuấn A thấy bên phải có một xe mô tô BKS 17B1-567.49 do anh Phạm Văn D, sinh năm 1990, ở xóm 6, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội điều khiển đi cùng chiều trên phần đường dành cho xe thô sơ. Đinh Tuấn A điều khiển xe ô tô đi qua xe mô tô do anh D điều khiển được khoảng 200m, Đinh Tuấn A bật xi nhan bên phải, điều khiển xe chuyển hướng rẽ phải vào bãi san lấp. Do không quan sát khi chuyển hướng dẫn đến xe mô tô BKS 17B1-567.49 do anh Phạm Văn D điều khiển đi gần phía sau không kịp phanh nên đâm vào bánh sau cùng bên phải của xe ô tô làm anh D bị ngã xuống đường. Lúc đó anh Trương Văn D1 là công nhân công ty TNHH TC đang ngồi tại bãi san lấp để ghi số xe vào bãi thấy va chạm liền ra tín hiệu cho Đinh Tuấn A dừng xe lại. Đinh Tuấn A phanh xe dừng lại, qua gương chiếu hậu bên phải, Đinh Tuấn A thấy anh D ngã nằm tại mép đường phía sau xe ô tô liền đạp côn xe ô tô, khi đạp côn Đinh Tuấn A không đạp phanh, không kéo phanh tay làm xe ô tô trôi về phía sau dẫn đến bánh sau cùng bên phải chèn qua người anh D làm anh D tử vong. Do sợ bị lực lượng Công an cân tải trọng, Đinh Tuấn A điều khiển xe ô tô đi vào bãi san lấp đổ khoảng 1/4 số đá trên thùng xe xuống bãi san lấp, sau đó điều khiển xe lùi về hiện trường dừng cách nơi xảy ra tai nạn 03m rồi đến công an trình báo.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Vị trí xảy ra vụ tai nạn là chiều hướng Đồng Văn đi Chợ Dầu QL38 thuộc địa phận xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đường thẳng, mặt đường nhẵn, phẳng được trải nhựa apphan có chiều rộng là 11 m được chia thành 03 làn đường. Phía Bắc là đường đi vào khu vực bãi đất đá san lấp rộng 10m; phía Nam giáp cổng khu công nghiệp Đồng Văn IV, phía Đông là hướng đi Đồng Văn; phía Tây là hướng đi Chợ Dầu. Tại khu vực xảy ra tai nạn có

vạch kẻ đường dành cho người đi bộ sang đường và biển báo giao nhau với đường không ưu tiên bên trái và biển chỉ dẫn người đi bộ sang đường. Lấy tâm cột biển chỉ dẫn người đi bộ sang đường được dựng bên lề đường phía bắc làm mép đường chuẩn, thu được kết quả sau:

Cách tâm biển chỉ dẫn người đi bộ sang đường được dựng bên lề đường phía Bắc về phía Nam, vuông góc 67m về phía Tây là vị trí tâm bánh trước xe mô tô biển số 17B1-567.49 đang nằm đỗ trên đường...được đánh số (1). Bánh trước xe mô tô (1) trùng với mép đường chuẩn...Cách tâm bánh trước xe mô tô (1) 0,1 m về phía Đông theo hướng vuông góc trên lối đi vào bãi đá san lấp là vị trí giữa hai chân tử thi Phạm Văn D...được đánh số (2) đầu tử thi quay hướng Đông Bắc, chân tử thi quay hướng Tây Nam...Cách tâm giữa hai chân tử thi (2) 1,95m về phía Tây theo đường vuông góc trên lối đi vào bãi đá san lấp là vị trí tâm điểm đầu vết in hằn trên mặt đất dính chất màu đỏ KT (28,8x0,25)m chiều hướng từ Đông Nam sang Tây Bắc được đánh số (3)...Cách tâm vết (3) 01 m về phía Tây theo hướng vuông góc là vị trí tâm bánh sau cùng bên trái ô tô biển số 90C-053.70 đang đỗ trên bãi đá san lấp được đánh số (4) ...Cách tâm bánh sau xe mô tô (1) 03m về phía Đông theo đường vuông góc trên mặt đường QL38 (mới) là vị trí điểm đầu vết sạt trên mặt đường liên tục KT (6,7x0,1)m chiều hướng từ Đông sang Tây được đánh số (5)...Cách tâm bánh trước bên trái xe ô tô (4) 13,7m về phía Bắc, vuông góc 24m về phía Tây trên bãi đá san lấp là vị trí đồng đá KT(3,80x3,20x1,50)m được đánh số (6).

Khám nghiệm tử thi: Hai lỗ mũi, miệng đều dính nhiều dịch bọt màu hồng, vùng ngực bụng có nhiều mảng sạt da bầm tím in hình vân lốp xe KT (50x45)cm. Mặt sau cẳng tay phải có mảng sạt lóc da để lộ cân cơ, gãy 02 xương cẳng tay KT (16x12)cm trên diện sạt da bầm tím in hình như vân lốp xe KT (70x28)cm. Mặt trước cẳng tay trái có mảng sạt da bầm tím KT (28x10)cm hướng từ trên xuống dưới. Cánh tay trái biến dạng, gãy 1/3 giữa xương cánh trái. Vùng hố chậu phải và ngang lưng phải đến gối có mảng rách lóc da để lộ cân cơ KT (55x40)cm không rõ hướng; Vùng hố chậu phải và ngang lưng trái đến gối có mảng rách da để lộ cân cơ và mỏm xương đùi KT (90x40)cm. Cẳng chân phải có mảng sạt da bầm tím....Toàn bộ vùng lưng, mông, mặt sau 02 đùi có mảng sạt da bầm tím. Dập nát toàn bộ bộ phận sinh dục.

Mổ tử thi: Mở da vùng bụng: Dập nát cơ vùng bụng, vùng khung chậu, dập gãy cột sống thắt lưng, dập nát nội tạng trong ổ bụng. Vỡ nát xương chậu. Xương đùi phải và xương đùi trái gãy thành nhiều đoạn.

Tại bản giám định pháp y tử thi số 93/TT ngày 27/8/2018 của Trung tâm Giám định pháp y tỉnh Hà Nam kết luận: "Nguyên nhân chết: Nạn nhân Phạm Văn D tử vong do mất máu cấp, hậu quả của chấn thương nặng ngực, bụng, chi".

Kết quả khám nghiệm phương tiện: Xe ô tô biển số 90C-053.70 cạnh ngoài lốp trước bên phải có nhiều vết sạt bụi bẩn KT(0,3x0,18)m tâm vết này cách chân van 0,23m ngược chiều kim đồng hồ; ốc la zăng vành bánh trước bên phải có vết sạt màu kim loại KT (0,3x0,02)m tâm cách chân van 0,22m ngược chiều kim

đồng hồ, mặt ngoài lớp thứ 3 từ trên xuống bên phải có vết sạt bụi bẩn KT (0,07x0,06)m, tâm các chân van 0,43m ngược chiều kim đồng hồ; cạnh ngoài và cạnh trước lớp sau cùng bên phải dính chất màu đỏ KT(0,40x0,16)m tâm cách chân van 0,6m theo chiều kim đồng hồ; cạnh bên ngoài bánh trong phía sau cùng bên phải dính chất màu nâu đỏ KT(0,60x0,23)m; kiểm tra không thấy dấu vết nào khác.

Xe mô tô biển số 17B1-567.49: Trục tay lái bị lệch về sau, từ trái sang phải. Toàn bộ ốp nhựa đầu xe, mặt nạ đầu xe, cụm đèn pha chiếu sáng, đèn xi nhan phía trước bên phải, bên trái và mặt đồng hồ công tơ mét vỡ nát, hệ thống dây điện gắn với đèn pha chiếu sáng và công tơ mét đứt rời, mặt gương bên trái, phải vỡ nát toàn bộ; cánh yếm bên trái bên phải vỡ nát bật tung khỏi vị trí ban đầu, đầu mỏm tay lái bên phải và tay phanh bên phải sạt xước dính nhiều bùn đất. Ốc trục gióng cánh trước bên trái, bên phải tách rời; Đầu mỏm chắn bùn bánh trước tách vỡ; Lớp bánh trước hết hơi. Phần chân người ngồi lái bên phải sạt xước nhựa hướng từ trước về sau, dính nhiều bùn đất...; cạnh ngoài bảo vệ ống xả sạt xước dính nhiều bùn đất hướng từ trước về sau.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 17B1-567.49 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Ng, chiếc xe ô tô BKS 90C-053.70 là tài sản hợp pháp của ông Đinh Văn T. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Ng và ông T.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Đinh Tuấn A đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 270.000.000đồng. Gia đình bị hại đã nhận đầy đủ và không có ý kiến gì.

Tại bản cáo trạng số 55/KSĐT-TA ngày 09/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố Đinh Tuấn A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đinh Tuấn A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đinh Tuấn A từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đinh Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho Đinh Tuấn A 01 giấy chứng minh nhân dân số 168569231 do Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 06/9/2013 và 01 giấy phép lái xe hạng C do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/7/2018 mang tên Đinh Tuấn A. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Bị cáo Đinh Tuấn A phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo nhất trí với cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì và cùng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bảng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo Đinh Tuấn A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm vật chứng, phương tiện, kết luận giám định pháp y, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm cùng toàn bộ các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 14/8/2018, Đinh Tuấn A điều khiển xe ô tô BKS 90C-053.70 chở đá phong hóa đến bãi san lấp trạm dừng đỗ công ty xăng dầu TH thuộc địa phận xóm 7 (nay là thôn TĐ), xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Do không chú ý quan sát trong khi điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ phải vào bãi san lấp đã gây tai nạn đối với xe mô tô BKS 17B1-567.49 do anh Phạm Văn D, sinh năm 1990 ở xóm 6, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội điều khiển đi cùng chiều ngay sát phía sau bên phải làm xe mô tô đổ, anh D ngã xuống đường phía sau xe ô tô do Đinh Tuấn A điều khiển. Do Đinh Tuấn A đạp phanh dừng xe, khi dừng xe Đinh Tuấn A đạp côn nhưng không đạp phanh chân, kéo phanh tay dẫn đến xe ô tô trôi lùi về phía sau làm bánh xe ô tô đè lên xe mô tô và người anh Phạm Văn D. Hậu quả anh D tử vong tại chỗ, xe mô tô hư hỏng nặng. Hành vi đó của Đinh Tuấn A đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sự an toàn, tính mạng sức khỏe, tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi tham gia giao thông bị cáo điều khiển xe ô tô chuyển hướng không chú ý quan sát gây tai nạn giao thông với xe mô tô do anh Phạm Văn D điều khiển đi phía sau là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật giao thông đường bộ, thiệt hại đến tính mạng của anh Phạm Văn D, tài sản. Do đó hành vi của bị cáo phải được xử phạt nghiêm minh nhằm giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và hạn chế các vụ tai nạn giao thông.

Xét về mặt chủ quan của tội phạm, bị cáo thực hiện do lỗi vô ý không thấy trước hậu quả xảy ra.

[4] Khi quyết định hình phạt Tòa án cân nhắc tình chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, hậu quả xảy ra đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, có thời gian tham gia quân đội và có ông nội là ông Đinh Duy Ng1 được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến 5 năm". Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo do lỗi vô ý, điều kiện kinh tế khó khăn, là lái xe thuê nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại. Đại diện gia đình bị hại đã nhận đầy đủ và không có ý kiến đề nghị gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Đối với chiếc xe mô tô BKS 17B1-567.49 và chiếc xe ô tô BKS 90C-053.70, cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản, không ai có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 168569231 do Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 06/9/2013 và 01 giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/7/2018, mang tên Đinh Tuấn A hiện có trong hồ sơ vụ án nhưng không phải vật chứng nên trả lại cho Đinh Tuấn A theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Tuấn A phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự; Điều 50; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đinh Tuấn A

18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Đinh Tuấn A 01 giấy chứng minh nhân dân số 168569231 do Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 06/9/2013 và 01 giấy phép lái xe hạng C do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/7/2018 mang tên Đinh Tuấn A.

3. Án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Bảng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người ĐDHP của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Bảng;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

Bùi Thế Ngọc

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....
Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST
Ngày.....-.....-.....
(3)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm...đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con
ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án....., tiền
sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,
nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾

- Bị hại:⁽¹⁷⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾

- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾

- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾

-
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾
 -
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾
 -
 - Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾
 -
 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾
 -
 - Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾
 -

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

- [1].....
-
- [2].....
-

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾

.....

(30)

.....

(31)

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo.

Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

